

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 236/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 07 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Phụ biểu số 35.1 kèm theo Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; Báo cáo thẩm của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thay thế Phụ biểu 35.1 nội dung phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023 tại Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023, với nội dung như sau:

1. Tổng số kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023 là 41.301 triệu đồng (*Bốn mươi một tỷ ba trăm linh một triệu đồng chẵn*), phân bổ cụ thể:

- a) Kinh phí chung theo quy định: 14.181 triệu đồng.
- b) Thực hiện các Chương trình chuyên đề: 26.520 triệu đồng.
- c) Thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương: 600 triệu đồng.

(*Có biểu chi tiết đính kèm Nghị quyết*)

2. Nguồn kinh phí: Chi thường xuyên ngân sách trung ương hỗ trợ (*giao tại Điểm 3, Mục II, Phần B, Biểu số 35 ban hành kèm theo Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình chuyên đề khi có hướng dẫn cụ thể của Trung ương; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả phân bổ tại kỳ họp gần nhất. Tổ chức thực hiện Nghị quyết, định kỳ đánh giá và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình khoá XVII nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 07 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- LĐ và CV các Phòng CM thuộc VP;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, CTHĐND (M).

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 236/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Số xã được hỗ trợ là các xã thuộc khu vực (I; II) theo Quyết định 861/QĐ-TTG ngày 04/6/2021	Phân bổ chung	Trong đó			Hỗ trợ kinh phí thực hiện các Chương trình chuyên đề	Hỗ trợ thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương	Tổng cộng	Ghi chú
				Hỗ trợ KP quản lý các cấp	Hỗ trợ tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo tập huấn chương trình nông thôn mới và phát triển sản phẩm OCOP..., Hỗ trợ quy hoạch, PTSX theo chuỗi giá trị, Cảnh quan môi trường	Hỗ trợ các nội dung khác				
	Tổng cộng (A+B+C)	77	14.181	1.855	10.826	1.500	26.520	600	41.301	
	A. PHÂN BỐ CHUNG		14.181	1.855	10.826	1.500	0		14.181	
I	Khối huyện		5.234	1.155	3.079	1.000	0		5.234	
1	Huyện Cao Phong (huyện về phần đầu đạt chuẩn NTM, GD 2021-2025)	7	905	105	300	500			905	
	Hỗ trợ thiết bị đài truyền thanh cấp huyện		500			500			500	
2	Huyện Đà Bắc	4	330	60	270				330	
3	Huyện Kim Bôi	9	455	135	320				455	
4	Huyện Lạc Thủy	8	429	120	309				429	
5	Huyện Lạc Sơn	10	480	150	330				480	
6	Huyện Lương Sơn	10	480	150	330				480	
7	Huyện Mai Châu	7	405	105	300				405	
8	Huyện Tân Lạc	9	455	135	320				455	
9	TP Hòa Bình	6	390	90	300				390	
10	Huyện Yên Thủy (huyện phần đầu đạt chuẩn NTM, GD 2021-2025)	7	905	105	300	500			905	
	Hỗ trợ thiết bị đài truyền thanh cấp huyện		500			500			500	
II	Khối tỉnh		8.947	700	7.747	500	0	0	8.947	
1	VP Điều phối tỉnh		2.097	700	1.397	0	0	0	2.097	
	- Kinh phí quản lý		700	700					700	

Số TT	Đơn vị	Số xã được hỗ trợ là các xã thuộc khu vực (I; II) theo Quyết định 861/QĐ-TTG ngày 04/6/2021	Phân bổ chung	Trong đó			Hỗ trợ kinh phí thực hiện các Chương trình chuyên đề	Hỗ trợ thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương	Tổng cộng	Ghi chú
				Hỗ trợ KP quản lý các cấp	Hỗ trợ tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo tập huấn chương trình nông thôn mới và phát triển sản phẩm OCOP..., Hỗ trợ quy hoạch, PTSX theo chuỗi giá trị, Cảnh quan môi trường	Hỗ trợ các nội dung khác				
	- Phối hợp với cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương, địa phương: Xây dựng chuyên trang, chuyên đề về xây dựng nông thôn mới, ...		57		57				57	
	- Kinh phí thanh toán nhuận bút, nhuận ảnh các bài viết cho bản tin nông thôn đăng trên trang Web nông thôn mới của tỉnh		40		40				40	
	- Kinh phí hỗ trợ xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP tại nước ngoài.		1.000		1.000				1.000	
	- Kinh phí chi đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới		100		100				100	
	- Kinh phí chi đào tạo, tập huấn về Chương trình OCOP		200		200				200	
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2.200		1.700	500			2.200	
	- Hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.		500		500				500	
	- Hỗ trợ tập huấn cho cán bộ HTX nông nghiệp (Chi cục Phát triển Nông thôn)		300		300				300	
	- Kinh phí hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP hai xã Hang Kia, Pà Cò, huyện Mai châu (Chi cục PTNT thực hiện)(Theo QĐ 2552/QĐ-UBND, ngày 04/11/2021).		900		900				900	
	- Hỗ trợ kinh phí tham gia Hội chợ Lễ hội cá tôm Sông Đà và Hội chợ Nông nghiệp triển lãm sản phẩm OCOP vùng Trung du Miền núi phía Bắc năm 2023		500			500			500	

Số TT	Đơn vị	Số xã được hỗ trợ là các xã thuộc khu vực (I; II) theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021	Phân bổ chung	Trong đó			Hỗ trợ kinh phí thực hiện các Chương trình chuyên đề	Hỗ trợ thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương	Tổng cộng	Ghi chú
				Hỗ trợ KP quản lý các cấp	Hỗ trợ tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo tập huấn chương trình nông thôn mới và phát triển sản phẩm OCOP..., Hỗ trợ quy hoạch, PTSX theo chuỗi giá trị, Cảnh quan môi trường	Hỗ trợ các nội dung khác				
3	Sở Công Thương		200		200				200	
4	Sở Thông tin truyền thông		300		300	-			300	
	- Duy trì, cập nhật các trang thông tin điện tử NTM và OCOP.		100		100				100	
	- Hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn		200		200				200	
5	Báo Hòa Bình (đình kỳ hàng tháng về nông thôn mới và Chương trình OCOP....)		100		100				100	
6	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (Định kỳ phát sóng hàng tháng về nông thôn mới và Chương trình OCOP....)		100		100				100	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		600		600				600	
	- Hỗ trợ công tác tuyên truyền, tập huấn		100		100				100	
	- Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP du lịch nông thôn		500		500				500	Hỗ trợ sản phẩm OCOP & Trà
8	Sở Lao Động, Thương Binh và Xã hội		200		200				200	
9	Công An tỉnh		250		250				250	
	- Hỗ trợ công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn		250		250				250	
10	UB MTTQ tỉnh		200		200				200	
11	Sở Giáo dục - đào tạo		200		200				200	
12	Sở Y tế		300	0	300	0	0		300	
	- Hỗ trợ tập huấn nâng cao năng lực cho các chủ thể có sản phẩm OCOP và các sản phẩm OCOP tiềm năng về vệ sinh an toàn thực phẩm, cách xây dựng bán tự công bố sản phẩm, ...(Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hòa Bình).		200		200				200	

Số TT	Đơn vị	Số xã được hỗ trợ là các xã thuộc khu vực (I; II) theo Quyết định 861/QĐ-TTG ngày 04/6/2021	Phân bổ chung	Trong đó			Hỗ trợ kinh phí thực hiện các Chương trình chuyên đề	Hỗ trợ thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương	Tổng cộng	Ghi chú
				Hỗ trợ KP quản lý các cấp	Hỗ trợ tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo tập huấn chương trình nông thôn mới và phát triển sản phẩm OCOP..., Hỗ trợ quy hoạch, PTSX theo chuỗi giá trị, Cảnh quan môi trường	Hỗ trợ các nội dung khác				
	- Hỗ trợ công tác tuyên truyền, tập huấn		100		100				100	
13	Sở Nội vụ		300		300				300	
14	Sở Tư pháp		300		300				300	
15	Sở Khoa học công nghệ (Hỗ trợ các sản phẩm OCOP và tiềm năng OCOP)		200		200				200	
16	Liên Minh HTX tỉnh		300		300				300	
17	Tỉnh đoàn Hòa Bình		200		200				200	
18	Ban Dân vận		200		200				200	
19	Hội Nông dân		200		200				200	
20	Hội Khuyến học tỉnh		100		100				100	
21	Hội cựu chiến binh		100		100				100	
22	Hội người cao tuổi		100		100				100	
23	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh		200		200				200	
B	PHÂN BỐ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỀ						26.520		26.520	
1	Chương trình mỗi xã một sản phẩm (QĐ số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ)						3.300		3.300	
2	Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (QĐ số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ)						5.840		5.840	
3	Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng tới nông thôn mới thông minh (QĐ số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ)						6.950		6.950	

Số TT	Đơn vị	Số xã được hỗ trợ là các xã thuộc khu vực (I; II) theo Quyết định 861/QĐ-TTG ngày 04/6/2021	Phân bổ chung	Trong đó			Hỗ trợ kinh phí thực hiện các Chương trình chuyên đề	Hỗ trợ thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương	Tổng cộng	Ghi chú
				Hỗ trợ KP quản lý các cấp	Hỗ trợ tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo tập huấn chương trình nông thôn mới và phát triển sản phẩm OCOP..., Hỗ trợ quy hoạch, PTSX theo chuỗi giá trị, Cảnh quan môi trường	Hỗ trợ các nội dung khác				
4	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (QĐ 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ)						9.500		9.500	
5	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới (QĐ số 926/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ)						930		930	
C	HỖ TRỢ THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH TRUNG TÂM THU MUA - CUNG ỨNG NÔNG SẢN AN TOÀN CẤP HUYỆN							600	600	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH